

Các xu hướng trong khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX

*** Xu hướng cải cách

Xu hướng cải cách ở nước ta được báo hiệu khoảng năm 1902 khi xuất hiện tác phẩm Văn minh tân học sách (tác phẩm vô danh). Trong tác phẩm này, lần đầu tiên xuất hiện một tư tưởng mới lạ là muốn chấn hưng dân trí, dân khí, phải bắt đầu bằng con đường cải cách, chủ yếu là về kinh tế và văn hóa (với 6 biện pháp gọi là 6 đường).

Xu hướng cải cách ở nước ta được báo hiệu khoảng năm 1902 khi xuất hiện tác phẩm Văn minh tân học sách (tác phẩm vô danh). Trong tác phẩm này, lần đầu tiên xuất hiện một tư tưởng mới lạ là muốn chấn hưng dân trí, dân khí, phải bắt đầu bằng con đường cải cách, chủ yếu là về kinh tế và văn hóa (với 6 biện pháp gọi là 6 đường).

Phan Châu Trinh (1872-1926), hiệu là Tây Hồ, là một sĩ phu tư sản hóa, có đường lối, thủ pháp cách mạng trái ngược với Phan Bội Châu. Ông đỗ Phó bảng năm 1901, cự tuyệt con đường quan trường, lại sống tại một vùng giao thương với nước ngoài phát triển là Quảng Nam- Đà Nẵng, Phan Châu Trinh không chỉ chịu ảnh hưởng Tân thư, ảnh hưởng của Nguyễn Lộ Trạch (tác giả Thiên hạ đại thế luận) mà còn chịu ảnh hưởng của nhiều nhà dân chủ tư sản Pháp, Ấn Độ.

Tháng 8-1906, sau khi từ Nhật Bản về, Tây Hồ viết Thư ngỏ gửi Toàn quyền Pôn Bô (Paul Beau) và lập tức trở thành thủ lĩnh của xu hướng cải cách trong cả nước. Ông chủ trương dựa vào người Pháp đánh đổ giai cấp phong kiến, phát triển kinh tế TBCN ở nước ta, rồi mới tính đến độc lập. Ông gọi đó là kế sách "ỷ Pháp cầu tiến bộ", tiến hành song song duy tân, đánh đổ chế độ phong kiến, quan trường.

Ở nước ta lúc đó cũng không ít người nghĩ như vậy và trở thành đồng chí của ông như Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Lê Đại, Đào Nguyên Phổ (Bắc Kỳ), Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Nguyễn Thượng Hiền (Trung Kỳ), Trần Chánh Chiếu, Nguyễn An Hưởng (Nam Kỳ). Nhưng Phan Châu Trinh cũng như các sĩ phu cải cách, không ai nghĩ tới một đảng chính trị cho xu hướng của mình. Điều này đã phần nào quyết định tính cách, bước đi của xu hướng này.

Trước hết, ở địa bàn trung tâm là Trung Kỳ từ 1906 đến 1908, Phan Châu Trinh trực tiếp lãnh đạo phong trào Duy Tân và phong trào chống thuế. Để cổ vũ cho lối học thực nghiệp, từ năm 1906, Phan Châu Trinh cho thành lập hàng chục trường dạy chữ Quốc ngữ, chữ Pháp, văn hóa kỹ thuật, lớn nhất là trường Diên Phong.

Các sĩ phu cải cách cũng rất chú trọng phát triển kinh tế, lập ra các hội buôn (lớn nhất là ở Hội An, Phan Thiết với Liên Thành thương quán nổi tiếng), kinh doanh hàng dệt vải, lâm sản (quế, chè), nông sản (gạo, ngô, sắn), hải sản... giao thương cả với nước ngoài.

Hoạt động sôi động hơn cả là trên lĩnh vực tư tưởng, sinh hoạt, với khẩu hiệu đề răng trắng, cắt tóc ngắn, ăn vận theo lối mới, họ tiến tới phê phán gay gắt biểu trưng của chế độ phong kiến như xé áo lam, giặt bài ngà... Từ phong trào cắt tóc khi lan xuống nông thôn, đã dần biến thành phong trào kháng thuế của nông dân. Từ Hội An, Đại Lộc (Quảng Nam) phong trào lan xuống Phú Yên, Khánh Hòa, lan ra Hà Tĩnh, Thanh Hóa, bao vây các phủ huyện, có khi bắt đi cả quan chức địa phương, đòi giảm sưu thuế, thậm chí có nơi còn cướp chính quyền ở địa phương...

Đến đây, phong trào đã vượt khỏi sự kiểm soát của các sĩ phu cải cách. Thực dân Pháp đã lợi dụng sự kiện này, thẳng tay đàn áp phong trào Duy Tân Trung Kỳ. Một số sĩ phu bị chém như Trần Quý Cáp, Lê Khiết và hàng chục người bị án lưu đày ở Côn Đảo như Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế...

Ở Bắc Kỳ, sự ra đời Đông Kinh nghĩa thực tại Hà Nội có thể coi là sự nối dài của phong trào Duy Tân. Ở đây, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền được sự ủng hộ của Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Lê Đại, Võ Hoàng, Phạm Duy Tốn... học theo kinh nghiệm của Nhật Bản đã mở trường tư thực tháng 3-1907.

Trường chủ trương dạy theo lối mới, chú trọng khoa học tự nhiên, học sinh học bằng chữ Quốc ngữ, Hán và Pháp văn. Ban Giáo dục gồm nhiều nhân vật nổi tiếng như Nguyễn Thượng Hiền, Hoàng Tăng Bí, Dương Bá Trạc, Lê Đại, Nguyễn Văn Vĩnh... Phan Châu Trinh là người thường xuyên góp ý và trực tiếp giảng dạy. Số học sinh lên tới 1000 người, có già trẻ, trai gái và được chia thành 8 lớp. Nhà trường thường cho học sinh đi ngoại khóa, tham gia các cuộc bình giảng thơ văn, nói chuyện với dân chúng.

Ngoài Ban Giáo dục, trường còn có 3 ban khác: Ban Tài chính, Ban Cổ động và Ban Trước tác.

Ban Cổ động lo việc kêu gọi dân chúng chống bọn hủ Nho (Văn tế sống hủ Nho, Điều hủ Nho...), cổ động ra báo Quốc ngữ. Chính Ban này có sáng kiến mua lại bản quyền tờ Đại Nam đồng văn nhật báo, tờ báo chữ Hán đầu tiên ở Hà Nội, cho tục bản thành tờ Đăng cổ tùng báo (chữ Quốc ngữ, chữ Hán) vừa là cơ quan ngôn luận của trường, vừa tuyên truyền những tư tưởng cải cách.

Ban Trước tác, thực chất là một nhà xuất bản đầu tiên của xứ Bắc Kỳ, đã phụ trách việc xuất bản một loạt sách bổ ích cho nâng cao dân trí, cổ động cho tinh thần dân tộc.

Hàng chục sách dịch hoặc do các tác giả thân tín của nhà trường viết bao gồm lịch sử (Việt Nam và thế giới), địa lý, văn học ... được xuất bản ngay từ những tháng đầu trường mới hoạt động. Nhiều cuốn sách đã trở thành những tác phẩm đầu tiên bằng Quốc ngữ in ở Hà Nội như Quốc dân độc bản, Nam quốc giai sử, Việt Nam Quốc sử lược, Nam quốc địa dư, Quốc văn giáo khoa thư...; đặc biệt đã xuất hiện những tác phẩm khuynh tả như Tiếng cuộc kêu (Việt Quyên), Thiết tiến ca (Nguyễn Phan Lãng), Bài ca vận động lính tập làm chấn động lòng người.

Cuối cùng, tháng 11-1907, thực dân Pháp quyết định cho đóng cửa trường này. Về Đông Kinh nghĩa thực, Đặng Thai Mai đánh giá nó như là một cuộc cách mạng văn hóa đầu tiên. Ông viết: “Đông Kinh nghĩa thực không chỉ là một trường tư thực, không chỉ là một cơ quan giáo dục thuần túy...Đông kinh nghĩa thực là con số tổng cộng những cố gắng của mọi người có ý chí tư tưởng, văn chương ra phục vụ Tổ quốc. Nó là cả một phong trào, một thời đại...”(4).

Phong trào Duy Tân ở Nam Kỳ diễn ra có vẻ lặng lẽ hơn dưới cái tên Cuộc Minh tân, tập trung vào những hoạt động kinh tế.

Ngoài Sài Gòn ra, nhiều tỉnh ở vùng đồng bằng sông Cửu Long như Mỹ Tho, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cần Thơ, Tây Ninh, Biên Hòa... đã mọc lên các khách sạn (Nam Trung khách sạn ở Sài Gòn, Minh Tân khách sạn ở Mỹ Tho...), các cơ sở công nghệ (dệt, làm xà phòng, may mặc...), các hội Tương tế và đặc biệt một số công ty như Minh Tân công nghệ xã, Nam Kỳ thương cuộc...

Phong trào Duy Tân cải cách lắng xuống từ cuối năm 1908, sau phong trào chống thuế. Phan Châu Trinh, năm 1911, được Pháp thả ra để mị dân, đã sang Pháp sinh sống và hoạt động suốt 14 năm (1911 - 1925). Cuối năm 1925, thực dân Pháp để ông về Sài Gòn với dã tâm lợi dụng tư tưởng cải lương của ông đã bị thời đại vượt qua, khi cao trào yêu nước và dân chủ đang lên mạnh do các đảng phái chính trị tiểu tư sản có tính khuynh tả lãnh đạo.

Phan Châu Trinh từ trần ở Sài Gòn tháng 3-1926. Ông là nhà dân chủ lớn nhất ở nước ta lúc đó, nhiều tác phẩm nổi tiếng của ông để lại như Sùng bái giai nhân truyện, Xăngtê thi tập, Luân lý và đạo đức Đông Tây...làm phong phú thêm văn học, lịch sử tư tưởng cận đại của nước ta.

***** Xu hướng bạo động**

Phan Bội Châu (1867 - 1940), hiệu là Sào Nam, một nhà Nho danh tiếng của xứ Nghệ, thuộc thế hệ cuối cùng của các sĩ phu Cần Vương, được giác ngộ tư tưởng mới và trở thành người cầm đầu một phong trào yêu nước và cách mạng, đi đầu trong phong trào dân tộc suốt 20 năm đầu thế kỷ.

Phan Bội Châu (1867 - 1940), hiệu là Sào Nam, một nhà Nho danh tiếng của xứ Nghệ, thuộc thế hệ cuối cùng của các sĩ phu Cần Vương, được giác ngộ tư tưởng mới và trở thành người cầm đầu một phong trào yêu nước và cách mạng, đi đầu trong phong trào dân tộc suốt 20 năm đầu thế kỷ.

Năm 1886, khi chưa đầy 20 tuổi, Sào Nam đã tập hợp sĩ tử ủng hộ các thủ lĩnh Cần Vương như Phan Đình Phùng, Nguyễn Xuân Ôn. Tuy vậy, cũng phải chờ đến năm 1900, khi đã có danh vọng đồ đạt, yên việc gia đình, ông mới thực sự đi vào con đường tranh đấu.

Ở Huế từ năm 1897, được Nguyễn Thượng Hiền giới thiệu Tân thư của Khang Lương, đặc biệt năm 1902 nhân các chuyến ra Bắc vào Nam, Phan Bội Châu đã có sự chuyển biến mạnh về tư tưởng. Với uy tín cá nhân sẵn có, ông nổi lên như một gương mặt chính trị sáng giá nhất. Từ đó, phong trào cách mạng của ông tính đến cuối Chiến tranh thế giới thứ nhất có thể chia ra 2 thời kỳ sau:

Thời kỳ Duy Tân hội và phong trào Đông Du (1904 - 1908)

Ở Việt Nam, "Phan Bội Châu là người đầu tiên đã thành lập một đảng chính trị theo ý nghĩa hiện đại của từ này"(2). Tháng 5 - 1904, tại Quảng Nam, Phan Bội Châu cùng với Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thành (tức ám Hàm), Đặng Thái Thân, Đặng Tử Kính, Đỗ Tuyên . . . đã tuyên bố thành lập Duy Tân hội, "cốt sao khôi phục Việt Nam độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác"(3). Thực ra, tư tưởng chính trị của Hội cũng khá rõ với việc tôn cường đề làm Hội chủ. Ý tưởng về một chế độ quân chủ lập hiến đã lộ ra.

Duy Tân hội đề ra 3 nhiệm vụ: Phát triển hội viên, tài chính, chuẩn bị cho bạo động vũ trang và xuất dương cầu viện (sau đó gọi là phong trào Đông Du, hướng sang Nhật Bản).

Đây là những năm tháng Phan Sào Nam tự cho là "đắc ý nhất". Từ sau chuyến đi Nhật đầu tiên năm 1905 cùng Đặng Tử Kính, được sự giúp đỡ của Lương Khải Siêu, Khuyển Dưỡng Nghi, Đại Ôi Trọng Tín -những nhân vật nổi tiếng của Trung Hoa và Nhật Bản, Phan Bội Châu đã cùng Duy Tân hội đẩy lên phong trào Đông Du, tuyển chọn ngót 200 du học sinh Việt Nam, bí mật xuất dương qua Nhật Bản học khoa học kỹ thuật và quân sự.

Ở trong nước Phan Bội Châu lên Phồn Xương (Yên Thê), bản doanh của Đề thám, bàn việc phối hợp với các hoạt động vũ trang, thực hiện kế sách trong đánh ra, ngoài đánh vào khi có cơ hội. Đây cũng là lúc, trường Đông Kinh nghĩa thực bắt đầu xuất bản nhiều tác phẩm của Phan viết ở Nhật Bản, như hải ngoại huyết thư, Việt Nam vong quốc sử ...

Năm 1908, diện hoạt động của phong trào Đông Du đã lan rộng khắp nước, cùng những hoạt động quyên góp về kinh tế công khai. Điều đó không tránh khỏi sự phát hiện của mật thám Pháp. Tháng 9-1908, thực dân Pháp đã thương lượng với chính phủ Nhật ra lệnh giải tán những tổ chức chống Pháp trên đất Nhật, trục xuất số du học sinh Việt Nam.

Thời Kỳ Việt Nam Quang phục hội (VNQPH) và những hoạt động vũ trang sôi động trước và trong chiến Tranh thế giới thứ nhất.

Cách mạng Tân Hợi 1911 thành công mở ra một trang mới cho cuộc đời hoạt động cách mạng của Phan Bội Châu. Mô hình “Trung Hoa dân quốc” và đảng cách mạng đã lôi cuốn ông và ông đã hoàn toàn vứt bỏ những gì còn lại của tư tưởng phong kiến, thực sự trở thành người cộng hòa. Năm 1912, ông hồi hải về Quảng Đông, tập hợp lực lượng cách mạng và tháng 2 năm đó, tại nhà Lưu Vĩnh Phúc, ông đã tuyên bố thành lập Việt Nam Quang phục hội.

Đây thực sự là một đảng chính trị kiểu hiện đại, với tôn chỉ, chống Pháp giành độc lập, lập ra nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam. VNQPH đã đề ra cả bộ máy Việt Nam quân chính phủ gồm Bộ Tổng vụ, Bộ Bình nghị, Bộ Chấp hành và lập ra Quang phục quân, do những thanh niên trẻ tốt nghiệp các trường quân sự Nhật Bản, Trung Hoa như Hoàng Trọng Mậu, Đặng Xung Hồng, Lương Lập Nham... phụ trách.

Phan Bội Châu đã cùng các chí sĩ Trung Hoa lập ra Chấn Hoa hưng Á, tạo thêm uy tín quốc tế. VNQPH còn thông qua quốc kỳ tương lai, phát hành quan dục phiếu ...

Phan Bội Châu đặc biệt coi trọng việc xây dựng “chiến lược biên giới”, phong trào 100 tay súng, nổi các cơ sở VNQPH từ Vân Nam về nước, đồng thời phát triển mạnh cơ sở trong nước.

Trước và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, mặc dù có một thời gian Phan Bội Châu, Mai Lão Bang bị bọn quân phiệt Trung Hoa bắt giam, nhưng những hoạt động vũ trang vẫn liên tục, mạnh mẽ, gây cho thực dân Pháp nhiều tổn thất. Năm 1913, sau vụ ném bom ở Thái Bình diệt Tướng phủ Nguyễn Duy Hàn, Ở Hà Nội

diệt 2 sĩ quan Pháp, VNQPH đã tổ chức các trận đánh dọc tuyến biên giới phía bắc như tấn công đồn Tà Lùng, Bình Liêu.

Nhưng quan trọng hơn cả là VNQPH đã lãnh đạo nhiều cuộc khởi nghĩa lớn ở các địa bàn trọng yếu. Đó là Cuộc khởi nghĩa của vua Duy Tân tháng 5-1916 được coi là cố gắng lớn nhất của VNQPH trong những kế hoạch vũ trang lúc đó, thu hút được nhiều nhân vật nổi tiếng ở Trung Kỳ như Thái Phiên, Trần Cao Vân, Lê Nhung, Lê Đình Dương ..., đặc biệt có sự tham gia của vua Duy Tân. Trong kế hoạch khởi nghĩa, VNQPH còn lợi dụng sứ quán Đức ở Xiêm để có thêm vũ khí chống Pháp. VNQPH dự định dựa vào 2500 lính tập ở Huế, 1500 lính tập ở Đà Nẵng tiến hành khởi nghĩa ở kinh thành Huế và phần lớn các tỉnh miền Trung.

Khởi nghĩa của vua Duy Tân cũng như nhiều cuộc khởi nghĩa thời bấy giờ thường bị hạn chế về nghệ thuật chỉ đạo, không giữ được bí mật kế hoạch khởi nghĩa. Vì vậy, thực dân Pháp kịp thời cấm trại, tịch thu vũ khí của số lính tập, bắt nhiều nhân vật chủ chốt ở cả hai trung tâm khởi nghĩa là Huế và Đà Nẵng. Vua Duy Tân cũng bị bắt khi trốn đến chùa Thiên Mụ. Ngày 17-5-1916, Thái Phiên, Trần Cao Vân và nhiều người trong đội thị vệ của Duy Tân bị chém ở Huế. Sau đó, Phạm Thành Tài và hàng chục chiến sĩ VNQPH ở Quảng Nam bị tử hình. Riêng vua Duy Tân bị lưu đày ở đảo Rêuyniông.

Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên (30-8-1917 đến 2-1-1918) do Đội Cấn (Trịnh Văn Cấn) và Lương Ngọc Quyến lãnh đạo cũng được coi là trang sử vẻ vang của VNQPH.

Lương Ngọc Quyến, yếu nhân của VNQPH, vốn bị Pháp bắt ở Hương Cảng và bị giam ở nhà giam Thái Nguyên. Chính ông đã giác ngộ và lôi cuốn Đội Cấn vào tổ chức và chuẩn bị khởi nghĩa. Là nhà quân sự, ông đã cùng Đội Cấn tận dụng thời cơ và giữ được bí mật đến phút chót. Từ trại lính khố xanh, đội quân khởi nghĩa của Đội Cấn đêm 30-8-1917 đã phá nhà tù, chiếm nhiều vị trí quan trọng của tỉnh dưới cờ Nam bình phục quốc. Lực lượng nghĩa quân đông tới ngót 400 tay súng, không kể nhân dân, thợ mỏ ở Phấn Mễ.

Quân khởi nghĩa đã chiếm giữ thành phố tới ngày 4-9 và tuyên bố lập nước. "Đại Hùng". Sai lầm chiến thuật của họ là trụ lại trong thành phố, không phân tán và phát triển thêm lực lượng. Trong khi đó, sau choáng váng ban đầu, Hội đồng quân sự Đông Dương đã cùng Công sứ Bắc Kỳ tập trung mọi lực lượng quân sự của các tỉnh phía bắc và Hà Nội phản kích quyết liệt.

Trưa ngày 5-9-1917, Thái Nguyên lọt vào tay giặc, nhưng 107 lính Pháp, lính khố đỏ đã bị tiêu diệt. 50 nghĩa quân đã anh dũng hy sinh (trong đó có Lương Ngọc

Quyển) và gần 100 người bị bắt. Riêng Đội Cấn cùng vài chục người còn lại phá vây, di chuyển trong vùng rừng núi Đại Từ, đã chiến đấu đến người cuối cùng và hy sinh ngày 11-1-1918.

Khởi nghĩa của Đội Cấn là cuộc binh biến đầu tiên trong thời cận đại, người Pháp dù thế nào cũng không thể hoàn toàn thắng lợi trong thủ đoạn "dùng người Việt đánh người Việt".

Đối với Phan Bội Châu và VNQPH, cuộc khởi nghĩa này có thể coi là sự chấm dứt thời kỳ đấu tranh vũ trang hào hùng. Sau chiến tranh, đường lối của phong trào cách mạng sẽ phải khác đi và có nhiều điều lịch sử đã vượt qua tầm nhìn của ông.

Đầu những năm 1920, Phan Bội Châu dần dần tìm đến với nguồn sáng của Cách mạng tháng Mười Nga, của Lênin. Giao thiệp với Sứ quán nước Nga ở Bắc Kinh, Phan Bội Châu hứa gửi cán bộ sang đào tạo ở Mátxcova. Ông đã dịch sách ca ngợi Cách mạng tháng Mười và Liên Xô. Đặc biệt khi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện ở Quảng Châu cuối tháng 12- 1924, ông đã liên hệ và hứa bàn bạc với nhân vật trẻ tuổi của phong trào cách mạng mới, hứa hẹn cải tổ đảng mình. Ý định tốt đẹp đó chưa kịp thực hiện thì ông đã bị mật thám Pháp bắt ở Thượng Hải vào tháng 6- 1925. Từ cuối năm 1925, Pháp buộc phải xóa án tử hình ông, nhưng ông bị giam lỏng ở Huế cho đến lúc mất (1940).

Phan Bội Châu không chỉ là linh hồn của phong trào cách mạng đầu thế kỷ XX mà còn là nhà văn hóa lớn. Ít ai có thể viết nhiều sách đủ thể loại và nhiều giá trị như ông ở thời điểm đó: Việt Nam vong quốc sử, Tự phán (tức Phan Bội Châu niên biểu), Xã hội chủ nghĩa, Khổng học đấng, Phạm Hồng Thái truyện ... và nhiều tác phẩm về văn, thơ đủ thể loại, viết chủ yếu bằng chữ Hán.

Các phong trào yêu nước theo khuynh hướng phong kiến và tư sản

Cuối thế kỷ XIX, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký các Hiệp ước ácmăng (Harmand) năm 1883 và Patonôt (Patenôtre) năm 1884, đầu hàng thực dân Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra. Phong trào *Cần Vương* (1885-1896), một phong trào đấu tranh vũ trang do Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động, đã mở cuộc tiến công trại lính Pháp ở cạnh kinh thành Huế (1885). Việc không thành, Tôn Thất Thuyết đưa Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), hạ chiếu *Cần Vương*. Mặc dù sau đó Hàm Nghi bị bắt, nhưng phong trào Cần Vương vẫn phát triển, nhất là ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ, tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng

(1885-1895). Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân *Yên Thế* do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913.

Thất bại của phong trào Cần Vương chứng tỏ sự bất lực của hệ tư tưởng phong kiến trong việc giải quyết nhiệm vụ giành độc lập dân tộc do lịch sử đặt ra.

Đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật. Ông lập ra Hội Duy tân (1904), tổ chức phong trào Đông Du (1906-1908). Chủ trương dựa vào đế quốc Nhật để chống đế quốc Pháp không thành, ông về Xiêm nằm chờ thời. Giữa lúc đó Cách mạng Tân Hợi bùng nổ và thắng lợi (1911). Ông về Trung Quốc lập ra Việt Nam Quang phục Hội (1912) với ý định tập hợp lực lượng rồi kéo quân về nước vũ trang bạo động đánh Pháp, giải phóng dân tộc, nhưng rồi cũng không thành công.

Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hóa, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam. ở Bắc Kỳ, có việc mở trường học, giảng dạy và học tập theo những nội dung và phương pháp mới, tiêu biểu là trường Đông Kinh nghĩa thực Hà Nội. ở Trung Kỳ, có cuộc vận động Duy tân, hô hào thay đổi phong tục, nếp sống, kết hợp với phong trào đấu tranh chống thuế (1908).

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp, nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng, về thế lực kinh tế và chính trị, nhưng với tinh thần dân tộc, dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam đã bắt đầu vươn lên vũ đài đấu tranh với thực dân Pháp bằng một số cuộc đấu tranh cụ thể với những hình thức khác nhau.

- Năm 1919-1923, *Phong trào quốc gia cải lương* của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên đã diễn ra bằng việc vận động chấn hưng nội hoá bài trừ ngoại hoá; chống độc quyền thương cảng Sài Gòn; chống độc quyền khai thác lúa gạo ở Nam Kỳ; đòi thực dân Pháp phải mở rộng các viện dân biểu cho tư sản Việt Nam tham gia.

- Năm 1923 xuất hiện *Đảng Lập hiến* của Bùi Quang Chiêu ở Sài Gòn, tập hợp tư sản và địa chủ lớp trên. Họ cũng đưa ra một số khẩu hiệu đòi tự do dân chủ để lôi kéo quần chúng. Nhưng khi bị thực dân Pháp đàn áp hoặc nhân nhượng cho một số quyền lợi thì họ lại đi vào con đường thỏa hiệp.

- Năm 1925-1926 đã diễn ra *Phong trào yêu nước dân chủ công khai* của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới. Họ lập ra nhiều tổ chức chính trị như: *Việt Nam Nghĩa đoàn*, *Phục Việt* (1925), *Hưng Nam*, *Thanh niên cao vọng* (1926); thành lập nhiều nhà xuất bản như *Nam Đồng thư xã* (Hà Nội), *Cường học thư xã* (Sài Gòn), *Quan hải tùng thư* (Huế); ra nhiều báo chí tiến bộ như *Chuông rạn* (*La Cloche fêlée*), *Người nhà quê* (*Le Nhaque*), *An Nam trẻ* (*La jeune Annam*)... Có nhiều phong trào đấu tranh chính trị gây tiếng vang khá lớn như đấu tranh đòi thả Phan Bội Châu (1925), lễ truy điệu và đề tang Phan Châu Trinh, đấu tranh đòi thả nhà yêu nước Nguyễn An Ninh (1926). Cùng với phong trào đấu tranh chính trị, tiểu tư sản Việt Nam còn tiến hành một cuộc vận động văn hóa tiến bộ, tuyên truyền rộng rãi những tư tưởng tự do dân chủ. Tuy nhiên, càng về sau, cùng sự thay đổi của điều kiện lịch sử, phong trào trên đây ngày càng bị phân hoá mạnh. Có bộ phận đi sâu hơn nữa vào khuynh hướng chính trị tư sản (như *Nam Đồng thư xã*), có bộ phận chuyển dần sang quỹ đạo cách mạng vô sản (tiêu biểu là *Phục Việt*, *Hưng Nam*).

- Năm 1927-1930 *Phong trào cách mạng quốc gia tư sản* gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng (25-12-1927). Cội nguồn Đảng này là *Nam Đồng thư xã*, lãnh tụ là Nguyễn Thái Học, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Khắc Nhu và Phó Đức Chính. Đây là tổ chức chính trị tiêu biểu nhất của khuynh hướng tư sản ở Việt Nam, tập hợp các thành phần tư sản, tiểu tư sản, địa chủ và cả hạ sĩ quan Việt Nam trong quân đội Pháp.

Về tư tưởng, Việt Nam quốc dân Đảng mô phỏng theo chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Trung Sơn. Về chính trị, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương đánh đuổi đế quốc, xóa bỏ chế độ vua quan, thành lập dân quyền, nhưng chưa bao giờ có một đường lối chính trị cụ thể, rõ ràng. Về tổ chức, Việt Nam quốc dân Đảng chủ trương xây dựng các cấp từ Trung ương đến cơ sở, nhưng cũng chưa bao giờ có một hệ thống tổ chức thống nhất.

Ngày 9-2-1929, một số đảng viên của Việt Nam Quốc dân Đảng ám sát tên trùm mộ phu Badan (Bazin) tại Hà Nội. Thực dân Pháp điên cuồng khủng bố phong trào yêu nước. Việt Nam Quốc dân Đảng bị tổn thất nặng nề nhất. Trong tình thế hết sức bị động, các lãnh tụ của Đảng quyết định dốc toàn bộ lực lượng

vào một trận chiến đấu cuối cùng với tư tưởng “không thành công cũng thành nhân”.

Ngày 9-2-1930, cuộc khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ, trung tâm là thị xã Yên Bái với cuộc tiến công trại lính Pháp của quân khởi nghĩa. ở một số địa phương như Thái Bình, Hải Dương... cũng có những hoạt động phối hợp.

Khởi nghĩa Yên Bái nổ ra khi chưa có thời cơ, vì thế nó nhanh chóng bị thực dân Pháp dập trong biển máu. Các lãnh tụ của Việt Nam quốc dân Đảng cùng hàng ngàn chiến sĩ yêu nước bị bắt và bị kết án tử hình. Trước khi bước lên đoạn đầu đài họ hô vang khẩu hiệu "Việt Nam vạn tuế". Vai trò của Việt Nam Quốc dân Đảng trong phong trào dân tộc ở Việt Nam chấm dứt cùng với sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái.

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam.